

Bản án số: **433/2026/HSST**
Ngày: 04/09/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân

- 1) Bà Nguyễn Thị Lâm
- 2) Bà Nguyễn Thị Nga

- **Thư ký ghi biên bản phiên Tòa:** Bà Nguyễn Thu Hà –Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Bách – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 09 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 417/2026/TLST-HS, ngày 11 tháng 08 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 442/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 08 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1984 tại HN; Tên gọi khác: Không; CCCD: 001***517; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện tại: Tổ 21 phường L, thành phố HN. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Vũ Thị H1, sinh năm 1961; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là Vũ Biên T, sinh năm 1984 và 03 con (sinh năm 2003, 2005, 2011); Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 32 lập ngày 25/05/2026 tại CAP LB – HN và lý lịch bị can thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Nhân thân: Ngày 27/9/2021 Công an phường T, quận TL, thành phố HN xử phạt hành chính về hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản (đã nộp tiền phạt).

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ ngày 15/5/2026, đến ngày 22/5/2026 hủy tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Cháu Lê Mạnh H3, sinh ngày 19/12/2008; Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Xuân M, sinh năm 1986 và bà Phan Thị Thanh Phg, sinh năm 1987 (mẹ mẹ đẻ) Cùng địa chỉ: Tổ 22 phường PL, thành phố HN.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Văn Tr, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Tổ 15 phường LB, thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/5/2026 Công an phường LB tiếp nhận đơn trình báo của anh Trương Văn Tr với nội dung: Vào khoảng 15h45 ngày 28/4/2026, anh Trương Văn Tr đang làm việc tại quán sửa xe ở địa chỉ số 72 ngõ 68 NVL, phường LB, HN thì có cháu học sinh (Lê Mạnh H3) đưa xe mô tô DK ROMA SX màu xanh dung tích 50cc đeo BKS 29BK – 032.24 vào cửa hàng sửa chữa và bảo anh Tr sửa xe do bị chết máy. Đi cùng cháu H3 là một nam thanh niên (sau này anh Tr biết tên là Nguyễn Đức H) có bảo anh Tr “sửa cho cháu cái xe”. Sau đó cháu H3 để xe và chìa khóa lại, hẹn 17h00 cùng ngày quay lại lấy xe. Do anh Tr bận việc chưa kiểm tra tình trạng chiếc xe trên, thì khoảng 16h15 cùng ngày, H quay lại cửa hàng anh Tr hỏi lấy xe và bảo mang đi chỗ khác sửa. Tin tưởng H là bố của H3 nên anh Tr trả xe và chìa khóa để H mang đi. Đến khoảng 17h00 cùng ngày cháu H3 có quay lại hỏi anh Tr xe sửa xong chưa? anh Tr bảo là bố cháu đã đến lấy xe mang đi thì H3 nói không quen biết gì nam thanh niên này. Do đó anh Tr đến cơ quan công an trình báo sự việc.

Khoảng 14 giờ ngày 28/4/2026, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha màu đen BKS 29AG – 092.26 đi từ nhà tại Tổ 21 phường L, thành phố HN sang cổng trường Học Viện Nông Nghiệp, xã GL, thành phố HN để mua cây cảnh. Sau đó H quay lên khu vực phường LB để tìm mua cây sung. Đến khu vực làng Cầu thuộc phường LB, HN, H dừng xe vào ngồi uống nước mía ở vỉa hè. Khi H đang uống nước mía thì nhìn thấy cháu Lê Mạnh H3 đang dắt chiếc xe mô tô DK ROMA SX màu xanh dung tích 50cc đeo BKS 29BK-032.24, H ra hỗ trợ đẩy xe đến quán sửa xe của anh Trương Văn Tr tại số 72 ngõ 68 NVL, phường LB, HN và nói với anh Tr “Sửa cho cháu nó để cháu nó đi học”. Sau đó, H đi về cổng trường Học viện Nông nghiệp I để tiếp tục mua hoa, lúc này H nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt chiếc xe máy của cháu H3. H gửi xe máy của H ở cửa hàng bán cây cảnh và đi bộ ra thuê xe ôm quay lại cửa hàng của anh Tr. Do thời điểm lúc mang xe đến cửa hàng anh Tr, H có đi cùng cháu H3 đến nên H biết anh Tr nghĩ H và cháu H3 có mối quan hệ họ hàng. Lợi dụng việc này, H quay lại hỏi anh Tr “đã sửa xe cho cháu xong chưa?”; “Để tôi đem đi cửa hàng khác để sửa”, dùng lời nói để tạo lòng tin cho anh Tr về việc H là người nhà, người thân của cháu H3, mục đích để chiếm đoạt được chiếc xe máy của cháu H3 đang sửa chữa ở đây. anh Tr đồng ý trả xe rồi đưa chìa khóa xe và xe cho H. H điều khiển chiếc xe máy của cháu H3 về nhà ở phường LN, HN để cất dấu. Sau khi cơ quan công an mời H lên làm việc thì H đã khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân và giao nộp lại chiếc xe gắn máy chiếm giữ vào ngày 28/4/2026.

Tang vật thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu DK ROMA SX, dung tích 50cc, màu xanh đeo BKS 29BK – 032.24;
- 01 (một) áo chống nắng tối màu của Nguyễn Đức H;
- 01 (một) quần bò tối màu của Nguyễn Đức H;
- 01 (một) mũ bảo hiểm nhãn hiệu Vespas màu đen của Nguyễn Đức H.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11 ngày 15/05/2026 của Hội đồng định giá tài trong tổ tụng hình sự phường LB xác định 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu DK ROMA SX, dung tích 50cc, màu xanh đeo BKS 29BK – 032.24 mà Nguyễn Đức H chiếm đoạt của anh Trương Văn Tr có trị giá: 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 223/CT-VKSHNI-KV ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng; trình bày lời luận tội và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Xử phạt Nguyễn Đức H từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có thu nhập ổn định.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu hay đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

Vật chứng: Không.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đức H sau khi nghe quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – HN, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Nguyễn Đức H nhận thức được hành vi đó là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố HN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người bị hại là cháu Lê Mạnh H3 cùng người đại diện hợp pháp và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. đã được tổng đạt hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thu thập được, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 28/4/2026 tại quán sửa xe ở địa chỉ số 72 ngõ 68 NVL, phường LB, thành phố HN, Nguyễn Đức H đã có hành vi dùng lời nói, lợi dụng việc anh Trương Văn Tr (thợ sửa chữa xe mô tô) không biết về quan hệ giữa H và cháu Lê Mạnh H3 để tạo lòng tin cho anh Tr tin rằng mình là người thân của cháu H3 mục đích để anh Tr tin tưởng giao 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DK ROMA SX màu xanh đeo BKS 29BK-032.24 (xe của H3 đưa đến sửa) với trị giá 6.500.000 đồng cho H. Sau khi được anh Tr giao xe, H chiếm đoạt chiếc xe trên và để ở nhà tại LN, HN.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương.

Bằng thủ đoạn gian dối và lợi dụng sự tin tưởng của anh Tr, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác, với giá trị chiếm đoạt là 6.500.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội đã truy tố và kết luận bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Theo các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời khai của bị cáo, xác định bị cáo không có tiền án, tiền sự. Khi lượng hình Hội đồng xét xử đã xem xét: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trao trả cho người bị hại, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu hay đề nghị gì. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo có nơi cư trú ổn định. Để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước, nhằm tạo điều kiện để bị cáo làm người có ích cho xã hội nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục là đủ. Căn cứ vào Nghị quyết 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, việc bị cáo hưởng án treo không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị tại địa phương.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu DK ROMA SX, dung tích 50cc, màu xanh đeo BKS 20BK – 032.24, quá trình điều tra xác định đăng ký chính chủ là cháu Lê Mạnh H3. Tra cứu trong hệ thống xe tang vật xác định chiếc xe trên không nằm trong dữ liệu xe tang vật. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý, đồ vật, tài liệu bị tạm giữ bằng hình thức trao trả chiếc xe trên cho chủ sở hữu Lê Mạnh H3 là có căn cứ.

Đối với 01 (một) áo chống nắng tối màu; 01 (một) quần bò tối màu; 01 (một) mũ bảo hiểm nhãn hiệu Vespas màu đen thu giữ của Nguyễn Đức H, đây là trang phục ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, dùng để xác định đặc điểm nhận dạng

đối chiếu với camera thu tại quán sửa xe của anh Tr. Kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là đúng quy định.

[7] Về dân sự:

Người bị hại đã nhận tại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu hay đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; Áp dụng các 135, 136, 299, 326, 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án.

Xử phạt: Nguyễn Đức H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức H cho UBND phường LN, thành phố HN quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về dân sự: Không.

3. Xử lý vật chứng: Không

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú (thay Thông báo KQXX);
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND TP HN;
- Phòng quản lý HS nghiệp vụ Công An TP Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP,THAHS,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc